

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẮNG BÀNG
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 107/2019/HNGĐ-ST.
Ngày 21-10-2019.
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẮNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Linh Ngọc.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Quang Phước;

Ông Hồ Văn Khang.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Thế Sự - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Kim Dân - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 624/2019/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 9 năm 2019 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 125/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2019; giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Hồ Thị N, sinh năm 1998; Xin vắng mặt.

Địa chỉ: Khu phố 5, thị trấn T T, huyện Tân Thạnh, tỉnh Long An.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn Nh, sinh năm 1990; Xin vắng mặt.

Địa chỉ: Ấp B M, xã A T, huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị Hồ Thị N trình bày:

Chị và anh Nh chung sống với nhau vào năm 2016, năm 2018 thì vợ chồng tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn T T, huyện Tân Thạnh, tỉnh Long An. Sau khi cưới, chị về nhà mẹ ruột tại Khu phố 5, thị trấn T T, huyện Tân Thạnh, tỉnh Long An sống còn anh Nh vẫn sống tại nhà cha mẹ chồng tại ấp B M, xã A T để đi làm. Vợ chồng tự ly thân từ năm 2018 đến nay, nguyên nhân do sau khi tổ chức lễ cưới chị mới phát hiện anh Nh

thiếu nợ nhưng giấu chị, cha chị đã chết, chỉ còn mẹ nhưng anh Nh không chịu về sống chung với chị và con mà chỉ muốn về nhà cha mẹ ruột anh Nh sống. Từ khi ly thân, chị và anh Nh không ai đặt vấn đề đoàn tụ.

Nay chị yêu cầu được ly hôn anh Nh.

Về con chung: Vợ chồng có một con chung tên Nguyễn Đức Ng, sinh ngày 24-10-2018 hiện đang theo sống với chị. Khi ly hôn, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Ng, yêu cầu anh Nh cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng số tiền 1.500.000 đồng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Theo các lời khai và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Nguyễn Văn Nh trình bày:

Nhận thấy, anh Nh thừa nhận lời trình bày của chị N về thời gian chung sống, có đăng ký kết hôn, thời gian ly thân, con chung, tài sản chung, nợ chung là đúng. Theo anh nguyên nhân mâu thuẫn giữa vợ chồng là về chuyện tiền bạc, chị N trách anh không chu cấp đầy đủ cho vợ con nhưng do việc làm của anh không ổn định, thu nhập cũng bấp bênh nên không có nhiều tiền gửi phụ chị N nuôi con.

Nay anh đồng ý ly hôn với chị N.

Về con chung: Anh đồng ý giao cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng cháu Nguyễn Đức Ng, sinh ngày 24-10-2018. Anh cấp dưỡng nuôi cháu Ng mỗi tháng số tiền 1.500.000 đồng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, các đương sự thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình xem xét quyết định:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Hồ Thị N yêu cầu được ly hôn anh Nguyễn Văn Nh.

Về con chung: Giao cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng cháu Nguyễn Đức Ng, sinh ngày 24-10-2018. Buộc anh Nh có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng số tiền 1.500.000 đồng đến khi cháu Ng đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về tố tụng: Chị Hồ Thị N và anh Nguyễn Văn Nh vắng mặt tại phiên toà nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị N và anh Nh chung sống với nhau vào năm 2016, có đăng ký kết hôn năm 2018 tại Ủy ban nhân dân thị trấn T T, huyện Tân Thạnh, tỉnh Long An nên được pháp luật thừa nhận là hôn nhân hợp pháp. Năm 2018 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và tự ly thân đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn theo chị N trình bày là do anh Nh thiếu nợ nhưng giấu chị, anh Nh không đồng ý sống cùng chị và con mà về nhà cha mẹ ruột sống. Anh Nh cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn là do chị N trách anh không chu cấp đầy đủ cho vợ con. Từ khi ly thân đến nay, cả chị N và anh Nh đều không có thiện chí đoàn tụ. Nay chị N yêu cầu ly hôn và anh Nh cũng đồng ý ly hôn nhưng cả chị N và anh Nh đều đề nghị vắng mặt không tham gia phiên toà. Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn giữa chị N và anh Nh trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, có cơ sở chấp nhận yêu cầu của chị N được ly hôn anh Nh theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị N và anh Nh có một con chung tên Nguyễn Đức Ng, sinh ngày 24-10-2018 hiện đang theo sống với chị N. Khi ly hôn chị N yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Ng, anh Nh cũng đồng ý giao cháu Ng cho chị N nuôi dưỡng nên Hội đồng xét xử giao cháu Ng cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị N yêu cầu anh Nh cấp dưỡng nuôi cháu Ng mỗi tháng số tiền 1.500.000 đồng, anh Nh cũng đồng ý cấp dưỡng nuôi con theo yêu cầu của chị N. Vì vậy, có căn cứ buộc anh Nh cấp dưỡng nuôi cháu Ng mỗi tháng số tiền 1.500.000 đồng là phù hợp với Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Chị N và anh Nh không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

[6] Như phân tích trên thì đề nghị của Viện kiểm sát về quan điểm giải quyết vụ án là có cơ sở chấp nhận.

[7] Án phí: Chị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn, anh Nh phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy

định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chị Hồ Thị N được ly hôn anh Nguyễn Văn Nh.

2. Về con chung: Giao chị Hồ Thị N tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Đức Ng, sinh ngày 24-10-2018.

Anh Nguyễn Văn Nh có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Ng mỗi tháng số tiền 1.500.000 (một triệu năm trăm nghìn) đồng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm đến khi cháu Ng đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Anh Nh có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

4. Án phí: Chị Hồ Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0017558 ngày 18 tháng 9 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh; chị N đã nộp đủ án phí.

Anh Nguyễn Văn Nh phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc cấp dưỡng nuôi con.

5. Báo cho chị N và anh Nh biết có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết.

6. Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Trảng Bàng;
- Chi cục THADS huyện Trảng Bàng;
- UBND thị trấn T T;
- Lưu: Án văn, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Linh Ngọc

